

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Trịnh Trung Tuyển

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh ngày 21/8/1995; số định danh cá nhân: 038195016084; địa chỉ: Xóm B, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T1, sinh ngày 10/8/1992; số định danh cá nhân: 038092011795; địa chỉ: Xóm B, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Thông Q việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thọ Xuân (nay là xã Xuân Tín), tỉnh

Thanh Hóa vào ngày 02/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, chỉ một thời gian ngắn sau khi kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Năm 2021 anh T1 vi phạm pháp luật, sau đó anh T1 phải đi chấp hành án phạt tù, chị đã phải cố gắng chịu đựng để nuôi con, nhưng đến khi anh T1 chấp hành án xong về vào tháng 9/2025 thì giữa vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn; không thể chịu đựng được, nên từ tháng 10/2025 chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Gia đình hai bên có khuyên bảo vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Đỗ Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019, trong hai con thì cháu T2 bị bệnh tự kỷ tăng động, còn cháu T3 phát triển bình thường. Khi chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì cả 02 con đều đang ở với chị, do điều kiện chị hiện tại rất khó khăn, bản thân chị đang bị bệnh trầm cảm và không có công ăn việc làm, nên chị có trình bày ý kiến là ly hôn thì mỗi người nuôi một con chung, không ai phải cấp dưỡng. Nay quá trình giải quyết vụ án anh T1 có trình bày quan điểm là ai nuôi con thì phải nuôi cả hai con và anh T1 cũng có thể hiện quan điểm xin được nuôi con. Chị xét thấy điều kiện chị hiện khó khăn, không có thu nhập, lại đang bị bệnh; ngoài ra chị thấy cháu T2 bị bệnh tự kỷ tăng động nhưng lại rất nghe lời anh T1, anh T1 chăm sóc sẽ thuận tiện hơn, nên chị đồng ý để anh T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, như vậy sẽ tốt hơn cho sinh hoạt của các con.

Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị T xác định vợ chồng có tài sản chung hiện tại anh T1 đang quản lý, tuy nhiên vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2026, bị đơn là anh Nguyễn Đình T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2021 anh có vi phạm pháp luật, đến tháng 12/2023 anh phải đi chấp hành án tù tại Trại giam S. Đến 01/9/2025 anh được đặc xá về nhà thì chị T có đòi ly hôn và tự ý bỏ nhà đi vào ngày 08/10/2025. Sau đó thì anh mới nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án và hẹn làm việc, tuy nhiên vì lý do anh đi làm ăn xa, nên không về tham gia làm việc tại Tòa án được. Vợ chồng cũng đã nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, nhưng chị T không đồng ý. Nay quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh đang còn yêu thương vợ con, ngoài ra con trai là cháu Nguyễn Đình T2 bị bệnh tự kỷ, trầm cảm tăng động, nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Con trai là cháu Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và con gái là cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019. Hiện nay cả hai con đang ở với anh từ giữa tháng 01/2026. Quan điểm của anh T1 là: Nếu chị T nuôi con, thì phải nuôi cả hai con chung, anh sẽ hỗ trợ

tiền cấp dưỡng nuôi con; Nếu chị T không nuôi được thì anh xin được nuôi cả hai con, chứ anh không đồng ý việc chia con vì lý do con là cháu T2 có bị bệnh tự kỷ tăng động.

Về tài sản và công nợ: Anh T1 xác định vợ chồng sẽ tự giải quyết, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 23/12/2025, đại diện UBND xã X cho biết:

Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đình T1 có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/11/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở. Anh T1 hiện tại đang sinh sống ở địa phương và làm nghề phân phối phụ tùng xe máy cho các đại lý.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019 cho anh Nguyễn Đình T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đỗ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đỗ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản

1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1, hiện đang cư trú tại: Xóm B, xã X, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Đình T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đình T1 tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã X, huyện T (nay là xã X), tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/11/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình. Năm 2021 anh T1 vi phạm pháp luật, sau đó phải đi chấp hành án phạt tù. Đến tháng 9/2025 anh T1 được ra tù về nhà vợ chồng chung sống với nhau, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng lại trở nên trầm trọng hơn. Từ tháng 10/2025 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị T một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; Anh T1 có ý kiến không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên anh T1 không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đình T1 có 02 con chung là Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019.

Xét: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình T2 và Nguyễn Anh T3, trong hai con thì cháu T2 bị bệnh tự kỷ tăng động, còn cháu T3 phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 trình bày quan điểm là nếu ly hôn thì ai nuôi con phải nuôi cả hai con, chị T không nuôi được thì anh xin được trực tiếp

nuôi dưỡng cả hai con. Chị T thì tại đơn khởi kiện có thể hiện quan điểm mỗi người nuôi dưỡng một con vì lý do chị hiện tại rất khó khăn, bị bệnh và không công việc, thu nhập, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay sau khi biết được quan điểm xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung của anh T1, thì chị T có ý kiến là: Cháu T2 bị bệnh tự kỷ tăng động nhưng rất nghe lời anh T1, anh T1 chăm sóc sẽ tốt hơn so với chị, điều kiện của chị thì hiện tại khó khăn, chị đang bị bệnh trầm cảm, lại không có công việc, không có thu nhập, nếu nuôi cả hai con sẽ không nuôi được, nên chị đồng ý với ý kiến anh T1 là để cho anh T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, xét cần thiết giao cả 02 con chung cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có ý kiến hiện tại chị đang bị bệnh trầm cảm, lại không có công việc, không có thu nhập, nên không có khả năng cấp dưỡng, sau này khi chị khỏi bệnh, đi làm có thu nhập chị sẽ hỗ trợ nuôi con với anh T1; Anh T1 thì không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đình T1 đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T1.

2. *Về con chung:* Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đình T1 có 02 con chung là Nguyễn Đình T2, sinh ngày 14/02/2015 và cháu Nguyễn Anh T3, sinh ngày 14/10/2019.

Giao 02 con chung là Nguyễn Đình T2 và cháu Nguyễn Anh T3 cho anh Nguyễn Đình T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đỗ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001055 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, chị Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Tín;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến